VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản và hoạt động in sản phẩm không phải là xuất bản phẩm[1]

Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27/01/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

---

[1] Tên Nghị định này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản.[2]

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh[3]

Nghị định này quy định hành vi vi phạm hành chính, hình thức, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản và hoạt động in sản phẩm không phải là xuất bản phẩm.

---

[2] Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022 có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản.

[3] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1.[4] Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản và hoạt động in sản phẩm không phải là xuất bản phẩm trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

3. Cá nhân, tổ chức có liên quan.

4. Tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Cơ quan báo chí, nhà xuất bản được thành lập theo quy định của pháp luật về báo chí, xuất bản;

b) Cơ quan nhà nước;

c) Tổ chức kinh tế hoạt động theo quy định của pháp luật;

d)[5] Tổ chức nước ngoài, văn phòng thường trú của cơ quan báo chí nước ngoài, văn phòng đại diện của nhà xuất bản nước ngoài hoặc tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

---

[4] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

[5] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

đ)[6] Các đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức khác theo quy định pháp luật tham gia hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản và hoạt động in sản phẩm không phải là xuất bản phẩm.

Điều 3. Hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả

1.[7] Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản và hoạt động in sản phẩm không phải là xuất bản phẩm, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính là cảnh cáo hoặc phạt tiền.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm còn có thể bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a)[8] Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn từ 01 tháng đến 12 tháng, bao gồm: Giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in, báo nói, báo hình, báo điện tử, tạp chí điện tử, giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm, phụ trương, giấy phép xuất bản chuyên trang, giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh giấy phép sản xuất

---

[6] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

[7] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

[8] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

kênh chương trình, giấy phép nhập khẩu báo in, tạp chí in, giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, giấy phép xuất bản bản tin, giấy phép xuất bản đặc san, giấy phép thành lập nhà xuất bản, giấy phép thành lập văn phòng đại diện của nhà xuất bản nước ngoài hoặc tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài tại Việt Nam, giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm, giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm, giấy phép hoạt động in;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 đến 12 tháng.

3.[9] Ngoài hình thức xử phạt chính, hình thức xử phạt bổ sung, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả sau:

a)[10] Buộc xin lỗi;

b)[11] Buộc thu hồi sản phẩm báo chí, sản phẩm thông tin có tính chất báo chí, chương trình phát thanh, truyền hình, xuất bản phẩm, sản phẩm in vi phạm các quy định của pháp luật;

---

[9] Tiêu đề của khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

[10] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

[11] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

c)[12] Buộc gỡ bỏ thông tin sai sự thật, thông tin vi phạm quy định pháp luật đã đăng, phát trên báo điện tử, tạp chí điện tử, trang thông tin điện tử tổng hợp; buộc gỡ bỏ chương trình phát thanh, chương trình truyền hình; buộc gỡ bỏ nội dung theo yêu cầu, nội dung giá trị gia tăng, ứng dụng phát thanh truyền hình trên mạng; buộc gỡ bỏ xuất bản phẩm, tác phẩm, tài liệu điện tử vi phạm các quy định của pháp luật; buộc gỡ bỏ nội dung giới thiệu, quảng bá, đường dẫn đến trang thông tin điện tử có nội dung vi phạm pháp luật;

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính;

đ) Buộc thực hiện đăng, phát lại nội dung cải chính, xin lỗi;

e) Buộc đăng, phát đầy đủ nội dung kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

g) Buộc xin lỗi công khai;

h) Buộc thực hiện lưu chiểu báo chí theo quy định của pháp luật;

i) Buộc nộp lưu chiểu sản phẩm báo chí đúng địa điểm, số lượng;

k) Buộc nộp lưu chiểu hoặc nộp xuất bản phẩm cho Thư viện quốc gia Việt Nam theo quy định;

l) Buộc trả lại phương tiện, tài liệu thu giữ trái phép của nhà báo, phóng viên;

m)[13] Buộc tái xuất xuất bản phẩm nhập khẩu là tài liệu phục vụ hội thảo, hội nghị quốc tế tại Việt Nam đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép tổ chức hoặc là tài sản của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân để sử dụng riêng; buộc tái xuất

---

[12] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

[13] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm g khoản 4 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

đối với báo in, tạp chí in mà không đăng ký danh mục báo chí nhập khẩu với Bộ Thông tin và Truyền thông trước khi nhập khẩu; thiết bị in, máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu vi phạm quy định của pháp luật;

n)[14] Buộc tiêu hủy sản phẩm báo chí, sản phẩm thông tin có tính chất báo chí, chương trình phát thanh, chương trình truyền hình, xuất bản phẩm, tác phẩm, tài liệu, sản phẩm in vi phạm quy định của pháp luật;

o) Buộc gỡ bỏ tin, bài trên báo điện tử, tạp chí điện tử, chương trình phát thanh, chương trình truyền hình có nội dung không đúng tôn chỉ, mục đích ghi trong giấy phép; buộc gỡ bỏ tin, bài đăng tải không đúng nội dung thông tin ghi trong giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp;

p) Buộc thu hồi tên miền, địa chỉ Internet (IP).

q)[15] Buộc xuất khẩu 100% sản phẩm in gia công cho nước ngoài;

r)[16] Buộc nộp lại giấy phép hoạt động báo chí, giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh, thẻ nhà báo, giấy phép hoạt động

---

[14] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

[15] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm i khoản 4 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

[16] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm k khoản 4 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

báo chí, giấy phép nhập khẩu thiết bị in bị sửa chữa, tẩy xóa cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy phép, thẻ nhà báo, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đó;

s)[17] Buộc cải chính.

Điều 4. Mức phạt tiền và thẩm quyền xử phạt

1.[18] Mức phạt tiền tối đa đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí là 500.000.000 đồng đối với tổ chức, 250.000.000 đồng đối với cá nhân; hoạt động xuất bản, hoạt động in sản phẩm không phải là xuất bản phẩm là 200.000.000 đồng đối với tổ chức và 100.000.000 đồng đối với cá nhân.

2. Mức phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các Chương II và Chương III Nghị định này là mức phạt tiền áp dụng đối với tổ chức, trừ các hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định này là mức phạt tiền đối với cá nhân.

Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với cá nhân bằng 1/2 mức phạt tiền đối với tổ chức.

3. Thẩm quyền phạt tiền của các chức danh quy định tại Chương IV Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của tổ chức, thẩm quyền phạt tiền đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân bằng 1/2 thẩm quyền phạt tiền đối với tổ chức.

---

[17] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm l khoản 4 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

[18] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

4.[19] Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính:

Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản và hoạt động in là 02 năm.

Việc xác định hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

5.[20] Tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm hành chính nhiều lần thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 6, điểm e khoản 4 và điểm d khoản 5 Điều 8 Nghị định thì xử phạt một lần và áp dụng tình tiết tăng nặng.

Điều 4a. Áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính[21]

1. Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Phần thứ tư Luật Xử lý vi phạm hành chính và quy định tại Nghị định này.

---

[19] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

[20] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

[21] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

2. Tạm giữ tên miền quốc gia Việt Nam ".vn", tên miền quốc tế phân bổ cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính để xử phạt vi phạm hành chính đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Đăng, phát, sử dụng hình ảnh bản đồ Việt Nam không thể hiện đầy đủ hoặc thể hiện sai chủ quyền quốc gia;

b) Đăng, phát, đưa thông tin bịa đặt, gây hoang mang trong Nhân dân, không phù hợp với lợi ích của đất nước, gây ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết dân tộc, phá hoại truyền thống lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, xúc phạm dân tộc, anh hùng dân tộc; cổ súy các hủ tục, mê tín, dị đoan, dâm ô, đồi trụy, phá hoại thuần phong, mỹ tục của dân tộc; xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; tuyên truyền, kích động khủng bố, bạo lực, tội ác, tệ nạn xã hội;

c) Đăng, phát, đưa thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân;

d) Đăng, phát các tác phẩm báo chí, văn học, nghệ thuật, xuất bản phẩm mà không được sự đồng ý của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc không được phép lưu hành hoặc đã có quyết định cấm lưu hành hoặc tịch thu;

đ) Cung cấp, chia sẻ đường dẫn đến thông tin trên mạng có nội dung vi phạm quy định của pháp luật;

e) Quảng cáo, tuyên truyền, mua bán hàng hóa, dịch vụ bị cấm.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông (Trung tâm Internet Việt Nam) có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, người có thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính thực hiện tạm giữ tên miền quốc gia Việt Nam ".vn", tên miền quốc tế phân bổ cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam.".

Chương II
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Điều 5. Vi phạm quy định về giấy phép

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thay đổi biểu tượng kênh phát thanh, kênh truyền hình nhưng không có văn bản chấp thuận của Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Thay đổi thời lượng phát sóng, thời lượng chương trình tự sản xuất của kênh phát thanh, kênh truyền hình được quy định trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình, giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước;

c) Thay đổi tên gọi cơ quan chủ quản báo chí; tên gọi cơ quan báo chí; tên gọi kênh phát thanh, kênh truyền hình; địa điểm phát sóng; địa điểm trụ sở gắn với trung tâm tổng khống chế; phương thức truyền dẫn, phát sóng quy định trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình nhưng không được Bộ Thông tin và Truyền thông cho phép.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Hoạt động thông tin, báo chí không đúng mục đích, chương trình đã được ghi trong giấy phép của Bộ Ngoại giao;

b) Thực hiện không đúng nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin, đặc san.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sửa chữa, tẩy xóa giấy phép trong hoạt động báo chí;

b) Thực hiện không đúng nội dung ghi trong giấy phép hoạt động báo chí, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm e khoản 4 và điểm d khoản 5 Điều 8 Nghị định này;

c) Hoạt động thông tin, báo chí mà không có giấy phép của Bộ Ngoại giao;

d) Xuất bản bản tin, đặc san không có giấy phép;

đ) Vi phạm các quy định về điều kiện thành lập Văn phòng đại diện, cử phóng viên thường trú của cơ quan báo chí;

e) Báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam thực hiện hoạt động báo chí, hoạt động liên quan đến báo chí không có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam;

g) Cơ quan báo chí nước ngoài đặt văn phòng thường trú tại Việt Nam khi không có sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4.[22] Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi xuất bản thêm ấn phẩm báo chí, phụ trương, mở chuyên trang đối với báo điện tử, tạp chí điện tử; sản xuất thêm kênh phát thanh, kênh truyền hình mà không có giấy phép.

5.[23] Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động báo in, tạp chí in, báo nói, báo hình, báo điện tử, tạp chí điện tử không có giấy phép hoạt động báo chí theo quy định trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a)[24] Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại các điểm c và d khoản 3; tịch thu tang vật vi phạm hành chính là ấn phẩm báo chí, phụ trương đối với hành vi quy định tại khoản 4; tịch thu tang vật vi phạm hành chính là báo in, tạp chí in đối với hành vi quy định tại khoản 5 Điều này;

---

[22] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

[23] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

[24] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

b) Tước quyền sử dụng giấy phép từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

7.[25] Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại Giấy phép hoạt động báo chí đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

b) Buộc thu hồi tên miền đối với hành vi sử dụng tên miền không đúng trong giấy phép hoạt động báo chí quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;

c) Buộc thu hồi tên miền ".vn" đối với hành vi vi phạm tại khoản 5 Điều này.

Điều 6. Vi phạm quy định về hoạt động báo chí, sử dụng thẻ nhà báo

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng thẻ nhà báo đã hết hạn sử dụng để hoạt động báo chí;

b) Phóng viên nước ngoài, trợ lý báo chí của phóng viên nước ngoài hoạt động báo chí tại Việt Nam mà không có thẻ phóng viên nước ngoài hợp lệ do Bộ Ngoại giao Việt Nam cấp;

c) Người đứng đầu cơ quan báo chí, cơ quan công tác của người thuộc diện phải nộp lại thẻ nhà báo không thu lại thẻ nhà báo hoặc thu lại thẻ nhà báo nhưng không nộp về Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc không thông báo bằng văn bản đối với các trường hợp: Người được cấp thẻ nhà báo nhưng chuyển sang làm nhiệm vụ khác không còn là đối tượng được cấp thẻ; người được cấp thẻ nhà báo đã nghỉ hưu; người đã hết thời hạn hợp đồng lao động nhưng không được ký tiếp hợp đồng lao động mới hoặc không tiếp tục làm việc tại cơ quan báo chí;

d) Người được cấp thẻ nhà báo không nộp lại thẻ nhà báo (trừ trường hợp có xác nhận của công an xã, phường, thị trấn nơi mất thẻ về việc bị mất thẻ) trong các

---

[25] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

trường hợp sau: Khi cơ quan báo chí bị thu hồi giấy phép hoạt động báo chí; chuyển sang làm nhiệm vụ khác không còn là đối tượng được cấp thẻ nhà báo; đã nghỉ hưu; đã hết thời hạn hợp đồng lao động nhưng không được ký tiếp hợp đồng lao động mới hoặc không tiếp tục làm việc tại cơ quan báo chí;

đ) Người đứng đầu cơ quan báo chí cử hoặc giao quyền cho cấp dưới cử nhà báo, phóng viên hoạt động báo chí không đúng tôn chỉ, mục đích ghi trong giấy phép hoạt động báo chí;

e)[26] Nhà báo, phóng viên hoạt động báo chí không đúng tôn chỉ, mục đích ghi trong giấy phép hoạt động báo chí của cơ quan báo chí đang công tác.

g)[27] Người đứng đầu cơ quan báo chí có hành vi yêu cầu hoặc giao quyền cho cấp dưới có hành vi yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin không đúng tôn chỉ, mục đích ghi trong giấy phép hoạt động báo chí.

2.[28] Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

---

[26] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

[27] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

[28] Tiêu đề khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

a)[29] Mạo danh nhà báo, phóng viên;

b) Lợi dụng tư cách nhà báo, phóng viên can thiệp, cản trở hoạt động đúng pháp luật của tổ chức, cá nhân;

c) Sử dụng thẻ nhà báo đã bị sửa chữa, tẩy xóa để hoạt động báo chí.

3.[30] Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng tư cách nhà báo, phóng viên để trục lợi.

4.[31] Hình thức phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều này.

5.[32] Biện pháp khắc phục hậu quả:

---

[29] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 8 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

[30] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 8 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

[31] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 8 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

[32] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm g khoản 8 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

Buộc nộp lại thẻ nhà báo đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

Điều 7. Hành vi cản trở trái pháp luật hoạt động báo chí

1.[33] Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi cản trở trái pháp luật hoạt động nghề nghiệp của nhà báo, phóng viên.

2.[34] Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi thu giữ trái phép phương tiện, tài liệu hoạt động báo chí của nhà báo, phóng viên.

3.[35] Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhà báo, phóng viên khi đang hoạt động nghề nghiệp;

b) Hủy hoại, cố ý làm hư hỏng phương tiện, tài liệu hoạt động báo chí của nhà báo, phóng viên.

---

[33] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

[34] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

[35] Tiêu đề khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

4.[36] Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi có lời nói, hành động đe dọa tính mạng nhà báo, phóng viên mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc xin lỗi đối với hành vi quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này;

b) Buộc trả lại phương tiện, tài liệu thu giữ trái phép đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 8. Vi phạm quy định về đăng, phát nội dung thông tin trên báo chí, bản tin, đặc san

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không nêu rõ xuất xứ nguồn tin khi đăng, phát trên báo chí khi sử dụng thông tin do cơ quan, tổ chức, người có trách nhiệm cung cấp cho báo chí.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Đăng, phát thông tin sai sự thật gây ảnh hưởng ít nghiêm trọng;

b) Minh họa, đặt tiêu đề tin, bài không phù hợp nội dung thông tin làm cho người đọc hiểu sai nội dung thông tin;

c) Đăng, phát ảnh của cá nhân mà không được sự đồng ý của người đó, trừ các trường hợp pháp luật có quy định khác;

d) Đăng, phát ý kiến phản hồi không thể hiện đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 43 Luật Báo chí hoặc đăng, phát không đúng thời điểm theo quy định tại khoản 2 Điều 43 và khoản 5 Điều 42 Luật Báo chí.

---

[36] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 9 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

3.[37] Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Đăng, phát tin, bài, ảnh không phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam;

b) Đăng, phát thông tin cổ súy các hủ tục, mê tín, dị đoan;

c) Thể hiện không đúng chủ quyền quốc gia khi đăng, phát hình ảnh bản đồ Việt Nam;

d) Đăng, phát thông tin ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của trẻ em;

đ) Không thực hiện việc đăng, phát ý kiến phản hồi của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tác phẩm báo chí theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 43 Luật Báo chí;

e) Đăng, phát thông tin, chương trình dành cho trẻ em không đảm bảo tỷ lệ nội dung, thời điểm, thời lượng trên báo chí;

g) Không thực hiện đúng các yêu cầu bắt buộc khi đăng, phát tin, bài, chương trình liên quan đến trẻ em trên báo chí;

h) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về cảnh báo nội dung không phù hợp với trẻ em trên báo chí;

i) Tiết lộ bí mật đời tư của cá nhân nhưng không được sự đồng ý của cá nhân đó;

k) Đăng, phát thông tin xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín của cá nhân.

l)[38] Đăng, phát thông tin tiết lộ họ tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo và

---

[37] Tiêu đề khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

[38] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 10 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

thông tin khác làm lộ danh tính của người tố cáo trừ trường hợp người tố cáo có yêu cầu khác, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 8 Nghị định này.

4.[39] Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Miêu tả tỷ mỷ hành vi tội ác, tai nạn rùng rợn trong các tin, bài, ảnh;

b) Quy kết tội danh khi chưa có bản án kết tội của tòa án đã có hiệu lực pháp luật;

c) Đăng, phát thông tin về những chuyện thần bí gây hoang mang trong xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội và sức khỏe cộng đồng;

d) Đăng, phát thông tin về thân nhân, các mối quan hệ của cá nhân trong các vụ án, vụ việc tiêu cực khi không có căn cứ chứng minh các thân nhân và các mối quan hệ đó liên quan đến vụ án, vụ việc tiêu cực hoặc chưa có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

đ) Giới thiệu, quảng bá, đặt đường dẫn trang thông tin điện tử có nội dung vi phạm quy định pháp luật;

e) Thực hiện không đúng tôn chỉ, mục đích ghi trong giấy phép hoạt động báo chí, không đúng giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước gây ảnh hưởng ít nghiêm trọng.

5.[40] Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

---

[39] Tiêu đề khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 10 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

[40] Tiêu đề khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 10 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

a) Đăng, phát thông tin sai sự thật gây ảnh hưởng nghiêm trọng;

b) Đăng, phát thông tin có nội dung sai sự thật, xuyên tạc, xúc phạm danh dự, uy tín của tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân;

c) Đăng, phát thông tin miêu tả tỷ mỷ hành động dâm ô, đồi trụy;

d) Thực hiện không đúng tôn chỉ, mục đích ghi trong giấy phép hoạt động báo chí, không đúng giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước gây ảnh hưởng nghiêm trọng.

đ)[41] Đăng, phát thông tin tiết lộ họ tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo và thông tin khác làm lộ danh tính của người tố cáo gây tổn hại về sức khỏe, tinh thần hoặc bị xúc phạm danh dự, nhân phẩm hoặc bị đe dọa, trù dập, cô lập, kỳ thị hoặc gây thiệt hại về tài sản, trừ trường hợp người tố cáo có yêu cầu khác.

6.[42] Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Đăng, phát thông tin sai sự thật gây ảnh hưởng rất nghiêm trọng;

b) Đăng, phát tin, bài, ảnh kích động bạo lực.

7.[43] Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi đăng,

---

[41] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 10 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

[42] Tiêu đề khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 10 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

[43] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm g khoản 10 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

phát, giới thiệu, quảng bá tác phẩm, tài liệu hoặc nội dung thông tin trong tác phẩm, tài liệu đã bị đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy.

8.[44] Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Đăng, phát thông tin không phù hợp với lợi ích của đất nước và của nhân dân;

b) Đăng, phát thông tin xuyên tạc, bịa đặt, gây hoang mang trong nhân dân;

c) Đăng, phát thông tin có nội dung gây chia rẽ người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, giữa người theo các tôn giáo khác nhau, chia rẽ các tín đồ tôn giáo với chính quyền nhân dân, với tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; xúc phạm niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo; xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo;

d) Đăng, phát thông tin có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm l khoản 3 và điểm đ khoản 5 Điều 8 Nghị định này.

8a.[45] Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Đăng, phát thông tin có nội dung gây ảnh hưởng đến độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

---

[44] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm h khoản 10 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

[45] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm i khoản 10 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

b) Đăng, phát thông tin xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, xúc phạm dân tộc, anh hùng dân tộc;

c) Đăng, phát thông tin gây ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết dân tộc.

9.[46] Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính là sản phẩm báo chí của báo in, tạp chí in, bản tin, đặc san đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 3; các khoản 6, 7, 8 và 8a Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép từ 01 tháng đến 05 tháng đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 5, các khoản 6 và 7 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép từ 06 tháng đến 09 tháng đối với hành vi quy định tại các khoản 8 và 8a Điều này.

10. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a)[47] Buộc cơ quan báo chí cải chính, xin lỗi đối với hành vi quy định tại các điểm a, b và c khoản 2; các điểm a, b, c, d, i và k khoản 3; các điểm a, b, c và d khoản 4; các điểm a, b và c khoản 5; các khoản 6, 7, 8 và 8a Điều này;

b)[48] Buộc gỡ bỏ thông tin sai sự thật, thông tin vi phạm quy định pháp luật đã

---

[46] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm k khoản 10 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

[47] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm l khoản 10 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

[48] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm l khoản 10 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

đăng, phát trên báo điện tử, tạp chí điện tử, báo nói, báo hình, đối với các hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b và c khoản 2; các điểm a, b, c, d, i và k khoản 3; các điểm a, b, c và d khoản 4; các điểm a, b và c khoản 5; các khoản 6, 7, 8 và 8a Điều này;

c) Buộc gỡ bỏ tin, bài trên báo điện tử, tạp chí điện tử, báo nói, báo hình có nội dung không đúng tôn chỉ, mục đích ghi trong giấy phép hoạt động báo chí đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 5 Điều này;

d) Buộc gỡ bỏ nội dung giới thiệu, quảng bá, đường dẫn đến trang thông tin điện tử có nội dung vi phạm pháp luật quy định tại điểm đ khoản 4 Điều này.

Điều 9. Vi phạm quy định về cung cấp thông tin cho báo chí và sử dụng thông tin của cơ quan báo chí

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cản trở việc cung cấp thông tin cho báo chí của tổ chức, cá nhân;

b) Không thực hiện cung cấp thông tin cho báo chí theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Báo chí;

c) Thực hiện không đúng quy định về thời hạn thông báo hoặc thời hạn đăng, phát, trả lời cơ quan, tổ chức, cá nhân có ý kiến, kiến nghị, phê bình, khiếu nại, tố cáo hoặc có yêu cầu.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thể hiện không chính xác, trung thực nội dung trả lời của người được phỏng vấn;

b) Không thực hiện yêu cầu xem lại nội dung trả lời của người trả lời phỏng vấn trước khi đăng, phát nội dung trả lời phỏng vấn trên báo chí;

c) Sử dụng ý kiến phát biểu tại hội nghị, hội thảo, các cuộc gặp gỡ, trao đổi, nói chuyện để chuyển thành bài phỏng vấn khi chưa được sự đồng ý của người phát biểu;

d) Cung cấp thông tin không trung thực, sai sự thật cho báo chí.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cải chính, xin lỗi đối với hành vi quy định tại điểm a và điểm c khoản 2 Điều này.

Điều 10. Vi phạm quy định về cải chính trên báo chí

1.[49] Phạt cảnh cáo đối với hành vi thực hiện cải chính, xin lỗi không đúng quy định về kiểu chữ, cỡ chữ.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thông báo việc cải chính, xin lỗi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

b) Đăng, phát thông tin cải chính, xin lỗi mà không thể hiện nội dung thông tin cải chính, xin lỗi hoặc tên tác phẩm báo chí, tên chuyên mục, số báo, ngày, tháng, năm đã đăng, phát phải cải chính.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện việc gỡ bỏ thông tin sai sự thật;

b) Không thông báo cho các cơ quan báo chí, trang thông tin điện tử tổng hợp có thỏa thuận việc sử dụng tin bài của báo mình để thực hiện đăng lại lời cải chính, xin lỗi;

c) Tạp chí xuất bản trên 30 ngày một kỳ khi thông tin sai sự thật mà không có văn bản trả lời ngay cho cơ quan tổ chức, cá nhân;

d) Không xây dựng chuyên mục riêng tại trang chủ của báo điện tử, tạp chí điện tử để thực hiện cải chính, xin lỗi;

đ) Đăng, phát thông tin cải chính, xin lỗi mà không thể hiện đầy đủ các nội dung đã thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân đã đăng, phát trong tác phẩm báo chí và nội dung thông tin được cải chính;

---

[49] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

e) Cải chính, xin lỗi không đúng thời điểm quy định;

g)[50] Thực hiện cải chính, xin lỗi không đúng quy định về vị trí.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không cải chính, xin lỗi theo quy định;

b) Không đăng, phát nội dung kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về nội dung sai sự thật, xuyên tạc, vu khống xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân đã đăng, phát trên báo chí.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cải chính, xin lỗi đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;

b) Buộc thực hiện đăng, phát lại nội dung cải chính, xin lỗi đối với hành vi quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này;

c) Buộc đăng, phát đầy đủ nội dung kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;

d) Buộc gỡ bỏ thông tin sai sự thật đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

Điều 11. Vi phạm quy định về họp báo

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi họp báo nhưng không thông báo trước bằng văn bản hoặc thông báo không đúng thời gian quy định.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi họp báo có nội dung không đúng với nội dung đã được cơ quan quản lý nhà nước về báo chí trả lời chấp thuận hoặc không đúng với nội dung đã thông báo với cơ quan quản lý nhà nước về báo chí.

---

[50] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 11 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi họp báo khi đã bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi họp báo có nội dung xuyên tạc, xúc phạm danh dự, uy tín của tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân.

5. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi họp báo có nội dung kích động bạo lực.

6. Phạt tiền từ 140.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi họp báo có nội dung gây ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc xin lỗi công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với hành vi quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này.

Điều 12. Vi phạm quy định về thông tin phải ghi, thể hiện trên báo chí, bản tin, đặc san

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi không ghi đủ hoặc không ghi đúng nội dung theo quy định về thông tin phải ghi, thể hiện trên báo chí, bản tin, đặc san.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi trình bày trên trang nhất, bìa một đối với báo in, tạp chí in, trang chủ, các trang đối với báo điện tử, tạp chí điện tử có nội dung không phù hợp với nội dung của sản phẩm báo chí.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thể hiện biểu tượng, nhạc hiệu đối với báo nói, báo hình.

Điều 13. Vi phạm quy định về phát hành sản phẩm báo chí, sản phẩm thông tin có tính chất báo chí

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cản trở việc phát hành, truyền dẫn sản phẩm báo chí, sản phẩm thông tin có tính chất báo chí hợp pháp;

b) Bán sản phẩm báo chí nhập khẩu trái phép.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Phát hành sản phẩm báo chí, sản phẩm thông tin có tính chất báo chí không được phép lưu hành hoặc có quyết định thu hồi, tịch thu;

b) Không thực hiện thu hồi ấn phẩm báo chí, sản phẩm thông tin có tính chất báo chí khi có quyết định thu hồi.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi sản phẩm báo chí, sản phẩm thông tin có tính chất báo chí đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy sản phẩm báo chí, sản phẩm thông tin có tính chất báo chí đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này.

Điều 14. Vi phạm quy định về lưu chiểu báo chí

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi nộp lưu chiểu sản phẩm báo chí không đúng địa điểm, thời gian, số lượng theo quy định.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không thể hiện rõ thông tin báo in, tạp chí in nộp lưu chiểu, số lượng phát hành, ngày, giờ nộp lưu chiểu, chữ ký của người đứng đầu cơ quan báo chí hoặc người được ủy quyền trên báo in, tạp chí in nộp lưu chiểu.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện lưu chiểu báo chí theo quy định;

b) Không lưu giữ toàn bộ chương trình đã truyền dẫn, phát sóng hoặc lưu giữ không đúng quy định về thời gian đối với báo nói, báo hình; không lưu trữ nguyên vẹn nội dung thông tin đã đăng, phát hoặc lưu giữ không đúng quy định về thời gian đối với báo điện tử, tạp chí điện tử;

c) Không cung cấp tín hiệu phát sóng (đối với báo nói, báo hình), quyền truy xuất dữ liệu (đối với báo điện tử, tạp chí điện tử) theo yêu cầu của cơ quan thực hiện lưu chiểu điện tử;

d) Không đảm bảo tính thống nhất, chính xác giữa nội dung tác phẩm đăng, phát với nội dung tác phẩm cung cấp cho cơ quan thực hiện lưu chiểu điện tử.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện chế độ lưu chiểu báo chí đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

b) Buộc nộp lưu chiểu sản phẩm báo chí đúng địa điểm, số lượng đối với hành vi quy định khoản 1 Điều này;

c) Buộc cung cấp nội dung chính xác đã đăng, phát đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 3 Điều này.

Điều 15. Vi phạm quy định về xuất khẩu, nhập khẩu báo chí in

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu báo in, tạp chí in mà không đăng ký danh mục báo chí nhập khẩu với Bộ Thông tin và Truyền thông trước khi nhập khẩu.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu báo in, tạp chí in mà không thông qua cơ sở nhập khẩu báo chí do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nhập khẩu hoặc xuất khẩu báo in, tạp chí in có nội dung cổ súy các hủ tục, mê tín, dị đoan; thông tin về những chuyện thần bí gây hoang mang trong xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội và sức khỏe của cộng đồng;

b) Nhập khẩu hoặc xuất khẩu báo in, tạp chí in có nội dung không phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam;

c) Nhập khẩu hoặc xuất khẩu báo in, tạp chí in có nội dung thông tin ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của trẻ em;

d) Nhập khẩu hoặc xuất khẩu báo in, tạp chí in có nội dung xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín của cá nhân.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nhập khẩu hoặc xuất khẩu báo in, tạp chí in có nội dung dâm ô, đồi trụy;

b) Nhập khẩu hoặc xuất khẩu báo in, tạp chí in có nội dung sai sự thật, xuyên tạc, xúc phạm danh dự, uy tín của tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân.

5. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu hoặc xuất khẩu báo in, tạp chí in có nội dung kích động bạo lực.

6. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu báo in, tạp chí in có nội dung gây ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

7. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi xuất khẩu báo in, tạp chí in có nội dung gây ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy phép từ 03 đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 6 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy sản phẩm báo chí đối với hành vi quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này;

c) Buộc tái xuất báo in, tạp chí in đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 16. Vi phạm quy định về thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh không thuộc dịch vụ phát thanh, truyền hình

1.[51] Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

---

[51] Tiêu đề khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

a) Thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh không thuộc dịch vụ phát thanh, truyền hình mà không có giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh;

b) Sửa chữa, tẩy xóa hoặc cho thuê, mượn giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền nước ngoài hình trực tiếp từ vệ tinh;

c) Thực hiện không đúng nội dung quy định tại giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện thỏa thuận hoặc giao kết hợp đồng cung cấp tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh mà không thực hiện đăng ký làm đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh;

b) Thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh nhưng không có giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh;

c) Cung cấp tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh cho các đối tượng chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh.

3. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh có nội dung gây ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

4.[52] Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều này.

---

[52] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 12 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

5.[53] Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền nước ngoài hình trực tiếp từ vệ tinh đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 17. Vi phạm quy định về quản lý, cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng việc cài đặt tên, biểu tượng dịch vụ phát thanh, truyền hình trên kênh chương trình theo quy định;

b) Niêm yết không đầy đủ thông tin về giá dịch vụ, giá gói dịch vụ gắn với các thông tin, thông số kỹ thuật cơ bản của dịch vụ, gói dịch vụ;

c) Thực hiện không đúng quy định về công bố, niêm yết chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

d) Thực hiện không đúng quy định về việc tự kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

đ) Không thông báo bằng văn bản cho cơ quan cấp giấy phép trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chính thức thay đổi về địa chỉ trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cài đặt tên, biểu tượng dịch vụ trên các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu;

---

[53] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 12 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

b) Lập hồ sơ theo dõi không đúng quy định hoặc không lập hồ sơ theo dõi việc cung cấp nội dung theo yêu cầu, nội dung giá trị gia tăng;

c) Thực hiện không đúng quy định tại giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền;

d) Cản trở hoặc làm chậm trễ việc thỏa thuận điểm nhận tín hiệu, tín hiệu kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình;

đ) Không ban hành quy chế nội bộ về việc tự kiểm tra chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình theo quy định;

e) Không đăng ký hợp đồng mẫu với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc sử dụng hợp đồng không đúng với hợp đồng mẫu đã đăng ký;

g) Không niêm yết hoặc niêm yết không đầy đủ thông tin về giá dịch vụ, giá gói dịch vụ gắn với các thông tin, thông số kỹ thuật cơ bản của dịch vụ, gói dịch vụ;

h) Không công bố, niêm yết hoặc thực hiện công bố, niêm yết không đúng quy định về chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

i) Không thực hiện quy định về việc tự kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện không đúng quy định tại giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình;

b) Cung cấp số lượng kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền vượt quá 30% tổng số kênh khai thác;

c) Không cung cấp kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia cho tất cả thuê bao truyền hình trả tiền theo quy định;

d) Không cung cấp kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương cho tất cả các thuê bao truyền hình tại địa phương nơi doanh nghiệp cung cấp dịch vụ theo quy định;

đ) Cung cấp dịch vụ với chất lượng thấp hơn mức chất lượng dịch vụ đã công bố;

e)[54] Cài đặt sẵn ứng dụng hoặc triển khai thực hiện cài đặt trên thiết bị đầu cuối của người sử dụng hoặc thỏa thuận với người sử dụng để người sử dụng truy cập các dịch vụ phát thanh, truyền hình không đúng quy định pháp luật;

g) Cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền mà không có giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình;

h) Cung cấp nội dung theo yêu cầu và nội dung giá trị gia tăng chưa được biên tập theo quy định;

i) Cung cấp kênh chương trình, nội dung chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền nhưng không có thỏa thuận bản quyền hợp pháp với đơn vị sở hữu nội dung.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp thông tin quảng cáo được cài đặt sẵn từ nước ngoài trong các kênh chương trình nước ngoài;

b) Không truyền tải nguyên vẹn nội dung chương trình, kênh chương trình được cung cấp bởi đơn vị cung cấp nội dung đến thuê bao dịch vụ phát thanh, truyền hình;

c) Cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền nhưng không được biên tập, biên dịch theo quy định;

d) Bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình dưới mọi hình thức;

đ) Cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá;

---

[54] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 13 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

e) Cung cấp gói dịch vụ theo yêu cầu, dịch vụ giá trị gia tăng trên dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá.

5. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình kênh chương trình trong nước mà không có giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước theo quy định;

b) Cung cấp chương trình, kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình có nội dung không được thông tin trên báo chí, không được phép phổ biến, có nội dung bị cấm hoặc có quyết định thu hồi, tịch thu;

c) Cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có vốn đầu tư nước ngoài nhưng chưa có sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ;

d) Cung cấp chương trình, kênh chương trình cho đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình không được sự cho phép của đơn vị sở hữu nội dung hoặc không đúng thẩm quyền được cơ quan, tổ chức sở hữu nội dung ủy quyền.

6. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền mà không có giấy phép;

b) Cung cấp chương trình, kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có nội dung gây ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

6a.[55] Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp chương trình, kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có nội dung gây ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng đến lợi ích quốc gia, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ quốc gia mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

---

[55] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 13 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

7.[56] Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép từ 06 đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 6 và khoản 6a Điều này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 6 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc gỡ bỏ nội dung theo yêu cầu, nội dung giá trị gia tăng đối với hành vi quy định tại điểm h và điểm i khoản 3; điểm e khoản 4 Điều này;

b) Buộc gỡ bỏ ứng dụng phát thanh, truyền hình trên mạng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm e khoản 3 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 6 Điều này.

Điều 18. Vi phạm quy định về cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện không đúng quy định trong giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền;

b) Thực hiện không đúng quy định trong giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp kênh chương trình nước ngoài khi giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đã

---

[56] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 13 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

hết hiệu lực hoặc không thực hiện sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình nước ngoài khi thay đổi thể loại kênh chương trình, nội dung kênh chương trình;

b) Biên tập, biên dịch kênh chương trình nước ngoài khi giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đã hết hiệu lực hoặc không thực hiện sửa đổi, bổ sung giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài khi thay đổi thể loại kênh chương trình, nội dung kênh chương trình.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp kênh chương trình nước ngoài có thu phí bản quyền nội dung cho các đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền nhưng không có giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài;

b) Thực hiện biên tập, biên dịch kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình không đúng quy định.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp thông tin quảng cáo được cài đặt sẵn từ nước ngoài trong các kênh chương trình nước ngoài;

b) Thực hiện biên tập, biên dịch kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền nhưng không có giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài.

Điều 19. Vi phạm quy định về liên kết trong hoạt động báo chí

1.[57] Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

---

[57] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

a) Thực hiện liên kết sản xuất chương trình, kênh phát thanh, kênh truyền hình, sản phẩm báo in, tạp chí in, báo điện tử, tạp chí điện tử ngoài lĩnh vực cho phép;

b) Liên kết sản xuất một phần hoặc toàn bộ chương trình, kênh chương trình với đối tác không phải là tổ chức có pháp nhân thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện hoạt động liên kết vượt quá 30% tổng số kênh phát thanh, kênh truyền hình được cấp giấy phép sản xuất trong trường hợp liên kết toàn bộ kênh;

b) Liên kết sản xuất các chương trình phát thanh, chương trình truyền hình giải trí, trò chơi truyền hình, truyền hình thực tế có bản quyền, kịch bản chương trình nước ngoài mà không được Việt hóa, không phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam;

c) Thực hiện hoạt động liên kết sản xuất chương trình trên kênh phát thanh, kênh truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu, kênh thời sự - chính trị tổng hợp với thời lượng vượt quá 30% tổng thời lượng chương trình phát sóng lần thứ nhất của kênh này.

3. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện hoạt động liên kết đối với chương trình phát thanh, truyền hình thời sự - chính trị.

4. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện liên kết sản xuất chương trình, kênh phát thanh, kênh truyền hình, sản phẩm báo in, tạp chí in, báo điện tử, tạp chí điện tử có nội dung gây ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động từ 03 tháng đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cải chính, xin lỗi đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 4 Điều này.

Điều 20. Vi phạm quy định về trang thông tin điện tử tổng hợp

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp thông tin xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín của cá nhân;

b) Thực hiện không đúng quy định trong giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp;

c) Cung cấp đường dẫn đến trang thông tin điện tử hoặc ứng dụng có nội dung vi phạm pháp luật;

d) Không lưu trữ thông tin tổng hợp tối thiểu 90 ngày kể từ thời điểm được đăng trên trang thông tin điện tử tổng hợp;

đ) Không cung cấp đầy đủ thông tin về tên của tổ chức quản lý trang thông tin điện tử, tên cơ quan chủ quản (nếu có), tên người chịu trách nhiệm quản lý nội dung, địa chỉ, số điện thoại, thư điện tử, số giấy phép còn hiệu lực, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp phép trên chân trang thông tin điện tử tổng hợp;

e) Đăng, phát các tác phẩm báo chí, văn học, nghệ thuật, xuất bản phẩm mà không được sự đồng ý của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ;

g) Không gỡ bỏ ngay nội dung thông tin đã tổng hợp khi nguồn thông tin được trích dẫn đã gỡ bỏ nội dung thông tin đó hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

h) Không thực hiện đăng tải nội dung thông tin cải chính, xin lỗi của cơ quan báo chí vi phạm mà trang thông tin điện tử tổng hợp đã trích dẫn thông tin.

i)[58] Không làm thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp khi có thay đổi tên của tổ chức, doanh nghiệp; thay đổi địa điểm đặt máy chủ tại Việt Nam; thay đổi nhân sự chịu trách nhiệm; thay đổi, bổ sung nội dung thông tin, phạm vi cung cấp thông tin.

---

[58] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 15 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a)[59] Không trích dẫn nguồn tin theo quy định hoặc trích dẫn không chính xác, nguyên văn nguồn tin chính thức theo quy định;

b) Cung cấp thông tin có nội dung cổ súy các hủ tục, mê tín, dị đoan, những chuyện thần bí gây hoang mang trong xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội và sức khỏe của cộng đồng;

c) Cung cấp thông tin không phù hợp thuần phong mỹ tục Việt Nam;

d) Cung cấp thông tin ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của trẻ em;

đ) Không có máy chủ tại Việt Nam đáp ứng việc thanh tra, kiểm tra, lưu trữ, cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và giải quyết khiếu nại của khách hàng;

e) Không triển khai quy trình quản lý thông tin công cộng hoặc có triển khai nhưng không đáp ứng yêu cầu quản lý.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp thông tin có nội dung kích động bạo lực;

b) Cung cấp thông tin miêu tả tỷ mỷ hành vi tội ác, tai nạn rùng rợn, hành động dâm ô, đồi trụy.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thể hiện không đúng chủ quyền quốc gia khi đăng, phát hình ảnh bản đồ Việt Nam;

b) Cung cấp thông tin có nội dung sai sự thật, xuyên tạc, xúc phạm danh dự, uy tín của tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân;

---

[59] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 15 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

c) Cung cấp thông tin có nội dung quy kết tội danh khi chưa có bản án kết tội của tòa án đã có hiệu lực pháp luật;

d) Đăng, phát các tác phẩm báo chí, nội dung thông tin trong tác phẩm báo chí, xuất bản phẩm đã bị đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, gỡ bỏ, tiêu hủy;

đ) Cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử tổng hợp ngoài phạm vi tổng hợp thông tin đã được cấp phép;

e)[60] Sử dụng các tên miền hoặc ứng dụng không được quy định trong Giấy phép để cung cấp trang thông tin điện tử tổng hợp.

5. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp khi chưa được cấp phép.

6. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp thông tin chống nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại việc thực hiện chính sách đoàn kết quốc tế mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Cung cấp thông tin xuyên tạc, bịa đặt, gây hoang mang trong nhân dân mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Cung cấp thông tin có nội dung kích động chiến tranh nhằm chống lại độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Cung cấp thông tin xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, xúc phạm dân tộc, anh hùng dân tộc mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

đ) Cung cấp thông tin gây hằn thù, kỳ thị, chia rẽ, ly khai dân tộc, xâm phạm quyền bình đẳng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam; gây chia rẽ giữa các tầng lớp nhân dân, giữa nhân dân với chính quyền nhân dân, với lực lượng vũ trang

---

[60] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 15 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

nhân dân, với tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

e) Cung cấp thông tin xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

g) Cung cấp thông tin có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

7.[61] Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy phép từ 03 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2, khoản 4 và khoản 6 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc gỡ bỏ ngay nội dung thông tin đã tổng hợp khi nguồn thông tin được trích dẫn đã gỡ bỏ nội dung thông tin đó hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều này;

b) Buộc đăng tải nội dung thông tin cải chính, xin lỗi của cơ quan báo chí vi phạm mà trang thông tin điện tử tổng hợp đã trích dẫn thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều này;

c) Buộc thu hồi tên miền đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.

Điều 21. Vi phạm quy định về chế độ báo cáo trong hoạt động báo chí, hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình, trang thông tin điện tử tổng hợp

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thông báo bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi thay đổi địa điểm văn phòng đại diện, trưởng văn phòng đại diện của cơ quan báo chí;

---

[61] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 15 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

b) Không thông báo bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thành lập, đình chỉ, chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện của cơ quan báo chí; không thông báo bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc cử, thay đổi, đình chỉ hoạt động của phóng viên thường trú;

c) Không thông báo bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi xuất bản phụ trương quảng cáo;

d) Báo cáo, giải trình không đúng nội dung, thời hạn hoặc không chính xác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

đ) Tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp có thay đổi chủ sở hữu, thay đổi địa điểm không thông báo hoặc thông báo không đầy đủ bằng văn bản trong thời hạn quy định cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

e)[62] Thông báo không đúng thời hạn hoặc không thông báo bằng văn bản cho Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc không thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng trước ngày tạm ngừng xuất bản ấn phẩm báo chí, phụ trương, sản xuất kênh phát thanh, kênh truyền hình, chuyên trang của báo điện tử;

g)[63] Thông báo không đúng thời hạn hoặc không thông báo bằng văn bản cho Bộ Thông tin và Truyền thông để thu hồi giấy phép hoặc không thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng trước khi chấm dứt xuất bản ấn phẩm báo chí, phụ trương, sản xuất kênh phát thanh, kênh truyền hình, chuyên trang của báo điện tử;

---

[62] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

[63] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

h)[64] Báo cáo không đúng thời hạn hoặc không báo cáo bằng văn bản cho Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc không thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng trước ngày tạm ngừng thực hiện loại hình báo chí;

i)[65] Thông báo không đúng thời hạn hoặc không thông báo bằng văn bản cho Bộ Thông tin và Truyền thông để thu hồi giấy phép hoặc không thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng trước ngày chấm dứt thực hiện loại hình báo chí.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện báo cáo, giải trình theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương III
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN VÀ IN SẢN PHẨM KHÔNG PHẢI LÀ XUẤT BẢN PHẨM; HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ[66]

Điều 22. Vi phạm quy định về giấy phép, điều kiện hoạt động xuất bản

[64] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

[65] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

[66] Tên Chương này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 17 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không gửi thông báo bằng văn bản đến Bộ Thông tin và Truyền thông khi thay đổi trụ sở làm việc của nhà xuất bản;

b) Không đề nghị cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của nhà xuất bản nước ngoài hoặc tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài tại Việt Nam khi giấy phép bị mất, bị hư hỏng;

c) Không thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung thông tin trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài hoặc tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài khi thay đổi người đứng đầu, tên gọi, nội dung hoạt động của văn phòng đại diện.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi thay đổi một trong các nội dung sau đây mà không có giấy phép cấp đổi giấy phép thành lập nhà xuất bản: Thay đổi cơ quan chủ quản, tên gọi của cơ quan chủ quản nhà xuất bản và tên nhà xuất bản; thay đổi loại hình tổ chức của nhà xuất bản; thay đổi tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ, xuất bản phẩm chủ yếu của nhà xuất bản.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện không đúng nội dung ghi trong giấy phép thành lập nhà xuất bản;

b) Vi phạm quy định về điều kiện hoạt động của nhà xuất bản;

c) Hoạt động văn phòng đại diện của nhà xuất bản nước ngoài hoặc tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài tại Việt Nam nhưng không đủ điều kiện hoặc không đúng nội dung ghi trong giấy phép thành lập.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện khi nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài chấm dứt hoạt động, giải thể, phá sản tại nước ngoài.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tiếp tục hoạt động văn phòng đại diện của nhà xuất bản nước ngoài hoặc tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài tại Việt Nam nhưng giấy phép đã hết hạn.

6. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động văn phòng đại diện của nhà xuất bản nước ngoài hoặc tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài tại Việt Nam khi chưa có giấy phép thành lập.

7. Phạt tiền từ 140.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động nhà xuất bản khi chưa được cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi xuất bản phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này.

Điều 23. Vi phạm quy định về quy trình, thủ tục trong hoạt động xuất bản

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không ghi đầy đủ thông tin trong quyết định xuất bản theo mẫu quy định;

b) Lưu trữ không đầy đủ hồ sơ biên tập bản thảo và tài liệu có liên quan của xuất bản phẩm;

c) Sử dụng văn bản chấp thuận của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả không có đầy đủ thông tin theo mẫu quy định;

d) Ký duyệt bản thảo hoàn chỉnh để in, phát hành điện tử không đúng hoặc không đầy đủ theo quy định;

đ) Giao kết hợp đồng in giữa nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh với cơ sở in nhưng không thể hiện số lượng in hoặc thể hiện vượt quá số lượng in xuất bản phẩm so với quyết định xuất bản hoặc giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không ban hành quyết định xuất bản đối với từng xuất bản phẩm;

b) Để lộ, lọt nội dung tác phẩm, tài liệu xuất bản trước khi phát hành làm ảnh hưởng đến quyền lợi của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả đối với từng xuất bản phẩm;

c) Thực hiện không đúng nội dung giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh về tên tài liệu, phạm vi phát hành, hình thức phát hành, nơi in đối với từng xuất bản phẩm;

d) Xuất bản xuất bản phẩm không đúng với nội dung xác nhận đăng ký xuất bản về tên xuất bản phẩm, tên tác giả, tên dịch giả (nếu có), thể loại, ngữ xuất bản, đối tác liên kết đối với từng xuất bản phẩm.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Điều chỉnh tăng giá bán lẻ ghi trên xuất bản phẩm nhưng không được sự đồng ý của giám đốc nhà xuất bản đối với từng xuất bản phẩm;

b) Không có chứng chỉ hành nghề biên tập nhưng đứng tên tổng biên tập, biên tập viên trên xuất bản phẩm đối với từng xuất bản phẩm;

c) Xuất bản xuất bản phẩm không phù hợp với tóm tắt nội dung, chủ đề, đề tài trong xác nhận đăng ký xuất bản đối với từng xuất bản phẩm;

d) Tổ chức hoặc cho phép phát hành xuất bản phẩm nhưng không ban hành quyết định phát hành đối với từng xuất bản phẩm;

đ) Ký quyết định xuất bản không đúng thẩm quyền hoặc không được ủy quyền hợp pháp;

e) Không giao kết hợp đồng in xuất bản phẩm với cơ sở in đối với từng xuất bản phẩm;

g) Giao kết hợp đồng in xuất bản phẩm với cơ sở in không có giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm.

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Xuất bản xuất bản phẩm nhưng không có xác nhận đăng ký xuất bản hoặc không có giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh đối với từng xuất bản phẩm;

b) Xuất bản, tái bản xuất bản phẩm không có quyết định xuất bản, tái bản đối với từng xuất bản phẩm;

c) Không tổ chức biên tập bản thảo, không ký duyệt bản thảo trước khi đưa in hoặc phát hành trên phương tiện điện tử đối với từng xuất bản phẩm;

d) Thay đổi, làm sai lệch nội dung bản thảo đã được ký duyệt hoặc bản thảo tài liệu không kinh doanh có dấu của cơ quan cấp giấy phép xuất bản đối với từng xuất bản phẩm;

đ) Không lưu trữ hồ sơ biên tập bản thảo và tài liệu có liên quan của xuất bản phẩm đối với từng xuất bản phẩm;

e) Không thực hiện việc sửa chữa, đình chỉ phát hành, thu hồi hoặc tiêu hủy xuất bản phẩm khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với từng xuất bản phẩm;

g) Không thực hiện thẩm định nội dung tác phẩm, tài liệu theo quy định hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với từng xuất bản phẩm;

h) Xuất bản tác phẩm, tài liệu và tái bản xuất bản phẩm nhưng không có văn bản chấp thuận của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định của pháp luật đối với từng xuất bản phẩm.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thu hồi, tiêu hủy xuất bản phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b, d và h khoản 4 Điều này.

Điều 24. Vi phạm quy định về nội dung xuất bản phẩm

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi xuất bản xuất bản phẩm có nội dung sai sự thật ít nghiêm trọng đối với từng tên xuất bản phẩm.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi xuất bản xuất bản phẩm có nội dung thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tiết lộ bí mật của tổ chức hoặc cá nhân đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) Sai sự thật nghiêm trọng đối với từng tên xuất bản phẩm.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi xuất bản xuất bản phẩm có nội dung thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Dâm ô, đồi trụy, kích động bạo lực, mê tín dị đoan hoặc không phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) Xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức và danh dự, nhân phẩm của cá nhân đối với từng tên xuất bản phẩm;

c) Tiết lộ bí mật nhà nước đối với từng tên xuất bản phẩm mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng đối với hành vi xuất bản xuất bản phẩm có nội dung sai sự thật rất nghiêm trọng đối với từng tên xuất bản phẩm.

5. Phạt tiền từ 140.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi xuất bản xuất bản phẩm có nội dung thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Xuyên tạc sự thật lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm dân tộc, danh nhân, anh hùng dân tộc; phương hại đến lợi ích quốc gia; gây mất đoàn kết dân tộc đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) Không thể hiện hoặc thể hiện không đúng chủ quyền quốc gia đối với từng tên xuất bản phẩm bản đồ.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 01 đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi xuất bản phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Buộc thu hồi, tiêu hủy xuất bản phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này;

c) Buộc xin lỗi công khai đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 và điểm c khoản 3 Điều này;

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này.

Điều 25. Vi phạm quy định về trình bày, minh họa xuất bản phẩm và ghi thông tin phải ghi trên xuất bản phẩm

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi ghi thông tin không đúng vị trí hoặc ghi không đầy đủ những thông tin phải ghi trên xuất bản phẩm đối với từng tên xuất bản phẩm, trừ trường hợp quy định tại các điểm b và c khoản 2 Điều này.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Ghi sai những thông tin phải ghi trên xuất bản phẩm đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) Không ghi "Sách chuyên quảng cáo" trên bìa bốn đối với sách chuyên về quảng cáo đối với từng tên xuất bản phẩm;

c) Sử dụng hình ảnh trẻ em để minh họa trên xuất bản phẩm nhưng không có sự đồng ý của cha, mẹ, người giám hộ theo quy định hiện hành đối với trẻ em dưới 07 tuổi hoặc không có sự đồng ý của trẻ em và của cha, mẹ, người giám hộ theo quy định hiện hành đối với trẻ em từ đủ 07 tuổi trở lên đối với từng tên xuất bản phẩm.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng ảnh, hình vẽ, ký hiệu, ký tự để trình bày, minh họa xuất bản phẩm gây phản cảm hoặc không phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) Sử dụng hình ảnh bản đồ để trình bày, minh họa trên xuất bản phẩm nhưng thể hiện không đúng chủ quyền quốc gia đối với từng tên xuất bản phẩm.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi xuất bản phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc thu hồi, tiêu hủy xuất bản phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 26. Vi phạm quy định về nộp xuất bản phẩm lưu chiểu và nộp xuất bản phẩm cho Thư viện Quốc gia Việt Nam

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi nộp không đúng thời hạn hoặc không đủ số lượng xuất bản phẩm cho Thư viện Quốc gia Việt Nam đối với từng tên xuất bản phẩm.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không nộp xuất bản phẩm cho Thư viện quốc gia Việt Nam đối với từng tên xuất bản phẩm.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi nộp lưu chiểu chưa hết thời hạn 10 ngày nhưng đã phát hành đối với từng tên xuất bản phẩm.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không nộp lưu chiểu nhưng đã phát hành đối với từng tên xuất bản phẩm.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp xuất bản phẩm cho Thư viện quốc gia Việt Nam đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Buộc nộp lưu chiểu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 27. Vi phạm quy định về liên kết trong hoạt động xuất bản

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Ban hành quyết định xuất bản trước khi ký hợp đồng liên kết xuất bản;

b) Giao kết hợp đồng liên kết không đầy đủ nội dung theo quy định;

c) Không lưu giữ bản sao có chứng thực giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn của cá nhân trong trường hợp cá nhân đó là đối tác liên kết xuất bản hoặc không lưu giữ bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân của tổ chức trong trường hợp tổ chức là đối tác liên kết xuất bản.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi liên kết biên tập sơ bộ bản thảo nhưng đối tác liên kết không đủ điều kiện đối với từng tên xuất bản phẩm.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Liên kết xuất bản, tái bản tác phẩm, tài liệu nhưng không có văn bản hợp pháp chứng minh đã được sự chấp thuận của chủ sở hữu quyền tác giả đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) Phát hành xuất bản phẩm liên kết trước khi có quyết định phát hành đối với từng tên xuất bản phẩm.

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Liên kết xuất bản xuất bản phẩm nhưng không có hợp đồng liên kết bằng văn bản đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) Thực hiện không đúng nội dung bản thảo đã được tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản ký duyệt để in hoặc phát hành trên phương tiện điện tử đối với từng tên xuất bản phẩm;

c) Liên kết biên tập sơ bộ bản thảo đối với tác phẩm, tài liệu không được liên kết biên tập sơ bộ đối với từng tên xuất bản phẩm.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện sửa chữa, đình chỉ phát hành, thu hồi hoặc tiêu hủy xuất bản phẩm khi có yêu cầu của giám đốc (tổng giám đốc) nhà xuất bản hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với từng tên xuất bản phẩm.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 01 đến 02 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi xuất bản phẩm đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

Điều 28. Vi phạm quy định về hoạt động in xuất bản phẩm

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cập nhật không đầy đủ thông tin về việc nhận chế bản, in, gia công sau in vào "Sổ quản lý ấn phẩm nhận chế bản, in, gia công sau in" theo mẫu quy định;

b) Lưu giữ không đầy đủ hồ sơ nhận in xuất bản phẩm.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) In xuất bản phẩm nhưng không có hợp đồng in được giao kết giữa nhà xuất bản và cơ sở in đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) Không lập "Sổ quản lý ấn phẩm nhận chế bản, in, gia công sau in";

c) Không thông báo bằng văn bản với cơ quan cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm khi có thay đổi về người đứng đầu cơ sở in.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) In xuất bản phẩm không đúng nội dung bản thảo đã được tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản ký duyệt đối với từng tên xuất bản phẩm hoặc không đúng nội dung bản thảo tài liệu không kinh doanh đã được cấp giấy phép xuất bản đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) Thực hiện chế bản hoặc gia công sau in xuất bản phẩm nhưng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động in;

c) Không lưu giữ hồ sơ nhận in xuất bản phẩm đối với từng tên xuất bản phẩm;

d) Nhận in xuất bản phẩm nhưng bản thảo để in không được ký duyệt đầy đủ theo quy định đối với từng tên xuất bản phẩm;

đ) In dưới 1.000 bản thành phẩm hoặc bán thành phẩm nhưng không có giấy phép xuất bản và không có bản thảo được cấp phép xuất bản đối với từng tên xuất bản phẩm;

e) Sử dụng giấy phép hoạt động in chưa được cấp đổi theo quy định để thực hiện chế bản, in, gia công sau in.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) In xuất bản phẩm nhưng cơ sở in không duy trì đủ điều kiện hoạt động sau khi được cấp giấy phép hoạt động in;

b) In dưới 1.000 bản thành phẩm hoặc bán thành phẩm nhưng không có quyết định xuất bản hoặc không có bản thảo được duyệt đối với từng tên xuất bản phẩm;

c) In từ 1.000 đến dưới 2.000 bản thành phẩm hoặc bán thành phẩm nhưng không có giấy phép xuất bản và không có bản thảo được cấp phép xuất bản đối với từng tên xuất bản phẩm.

5. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) In từ 1.000 đến dưới 2.000 bản thành phẩm hoặc bán thành phẩm nhưng không có quyết định xuất bản hoặc không có bản thảo được duyệt đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) In gia công xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài nhưng không có giấy phép in gia công xuất bản phẩm theo quy định đối với từng tên xuất bản phẩm.

6. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng máy photocopy và các thiết bị in để nhân bản xuất bản phẩm đã bị đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy hoặc nhập khẩu trái phép;

b) In dưới 1.000 bản thành phẩm hoặc bán thành phẩm nhưng không có quyết định xuất bản và không có bản thảo được duyệt đối với từng tên xuất bản phẩm;

c) In xuất bản phẩm nhưng không có giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm.

7. Phạt tiền từ 140.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) In từ 1.000 đến dưới 2.000 bản thành phẩm hoặc bán thành phẩm nhưng không có quyết định xuất bản và không có bản thảo được duyệt đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) In xuất bản phẩm đã bị đình chỉ phát hành, bị thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy có số lượng dưới 500 bản hoặc thành phẩm, bán thành phẩm đối với từng tên xuất bản phẩm.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép hoặc đình chỉ hoạt động in từ 01 đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 6 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép hoặc đình chỉ hoạt động in từ 04 đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 7 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi xuất bản phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy sản phẩm in đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b và điểm c khoản 4; khoản 5; điểm a và điểm b khoản 6; khoản 7 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều này.

Điều 28a. Vi phạm quy định về giấy phép, điều kiện hoạt động in, photocopy và điều kiện nhận chế bản, in, gia công sau in sản phẩm in không phải là xuất bản phẩm[67]

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cập nhật không đầy đủ thông tin về việc nhận chế bản, in, gia công sau in vào "Sổ quản lý ấn phẩm nhận chế bản, in, gia công sau in" theo mẫu quy định;

b) Lưu giữ không đầy đủ hồ sơ liên quan đến sản phẩm nhận chế bản, in, gia công sau in;

c) Thực hiện dịch vụ photocopy nhưng không khai báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Giao kết hợp đồng chế bản, in, gia công sau in với tổ chức, cá nhân đặt in nước ngoài nhưng hợp đồng không thể hiện đầy đủ một trong các thông tin về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân nước ngoài có sản phẩm đặt chế bản, in, gia công sau in; thông tin về tên, loại sản phẩm in, số lượng in, địa điểm sản xuất, thời gian xuất khẩu, tên cửa khẩu xuất khẩu, quốc gia nhập khẩu sản phẩm in và các thông tin khác có liên quan.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thông báo bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có một trong các thay đổi về: Tên gọi của cơ sở in; địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ xưởng sản xuất của cơ sở in; loại hình tổ chức hoạt động của cơ sở in; thành lập hoặc giải

---

[67] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 18 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

thể chi nhánh của cơ sở in và người đứng đầu cơ sở in đối với cơ sở in phải có giấy phép hoạt động in;

b) Không thông báo bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi thay đổi thông tin đã đăng ký đối với cơ sở in phải đăng ký hoạt động in;

c) Không lập "Sổ quản lý ấn phẩm nhận chế bản, in, gia công sau in".

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không lưu giữ hồ sơ liên quan đến sản phẩm nhận chế bản, in, gia công sau in;

b) Chế bản, in, gia công sau in các sản phẩm in nhưng không có phiếu đặt in đối với các sản phẩm in phải có phiếu đặt in;

c) In sản phẩm nhưng không có bản mẫu của sản phẩm đặt in đã được đóng dấu hoặc có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức hoặc chữ ký của cá nhân có sản phẩm đặt in.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Hoạt động in nhưng cơ sở in không đủ điều kiện hoạt động sau khi được cấp giấy phép hoạt động in hoặc được xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in;

b) Thực hiện chế bản hoặc gia công sau in nhưng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc xác nhận đăng ký hoạt động;

c) Chế bản, in, gia công sau in báo, tạp chí, sản phẩm báo chí, sản phẩm thông tin có tính chất báo chí, tem chống giả nhưng không có hợp đồng in;

d) Không thực hiện việc xuất khẩu 100% số lượng sản phẩm in khi nhận chế bản, in, gia công sau in cho tổ chức, cá nhân nước ngoài;

đ) Chế bản, in, gia công sau in tem chống giả do cơ quan nhà nước ban hành nhưng không có bản sao có chứng thực quyết định ban hành mẫu tem chống giả;

e) Chế bản, in, gia công sau in tem chống giả nhưng không có văn bản đồng ý đặt chế bản, in, gia công sau in của tổ chức, cá nhân ban hành tem chống giả hoặc bản chụp hình ảnh tem chống hàng giả có xác nhận của tổ chức, cá nhân ban hành tem.

5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không gửi văn bản thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in khi nhận chế bản, in, gia công sau in cho tổ chức, cá nhân nước ngoài sản phẩm là báo, tạp chí, tờ rời, tờ gấp và các sản phẩm in khác có nội dung về chính trị, lịch sử, địa lý, tôn giáo, địa giới hành chính Việt Nam, chủ quyền quốc gia;

b) Thực hiện in nhưng không có xác nhận đăng ký hoạt động in của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ sở in phải đăng ký hoạt động in;

c) Chế bản, in, gia công sau in ấn phẩm báo chí nhưng không có bản sao có chứng thực giấy phép hoạt động báo chí đối với sản phẩm in là báo, tạp chí hoặc bản sao có chứng thực giấy phép xuất bản bản tin đối với sản phẩm in là bản tin và các ấn phẩm báo chí khác;

d) Chế bản, in, gia công sau in báo, tạp chí mà báo, tạp chí chưa được cấp phép hoạt động.

6. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi in tem chống giả, báo, tạp chí và các ấn phẩm báo chí khác theo quy định của pháp luật về báo chí nhưng không có giấy phép hoạt động in do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 5 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 5 và khoản 6 Điều này;

b) Buộc xuất khẩu 100% sản phẩm in gia công cho nước ngoài đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 4 Điều này.

Điều 28b. Vi phạm quy định về nội dung sản phẩm in không phải là xuất bản phẩm[68]

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng máy photocopy hoặc các thiết bị in văn phòng để nhân bản trái phép ấn phẩm báo chí, xuất bản phẩm nhằm mục đích kinh doanh hoặc lưu hành rộng rãi, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 6 Điều 28 Nghị định này.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chế bản, in, gia công sau in hoặc photocopy sản phẩm in có nội dung bí mật đời tư của cá nhân nhưng không được sự đồng ý của cá nhân đó;

b) Chế bản, in, gia công sau in hoặc photocopy sản phẩm in có hình ảnh bản đồ Việt Nam nhưng không thể hiện hoặc thể hiện không đúng chủ quyền quốc gia.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chế bản, in, gia công sau in hoặc photocopy các sản phẩm in nhằm xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

b) Chế bản, in, gia công sau in hoặc photocopy sản phẩm in có nội dung tuyên truyền lối sống dâm ô, đồi trụy, hành vi tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan phá hoại thuần phong mỹ tục;

c) Chế bản, in, gia công sau in hoặc photocopy sản phẩm in có nội dung vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức và danh dự, nhân phẩm của cá nhân.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đối với hành vi chế bản, in, gia công sau in hoặc photocopy ấn phẩm hoặc tác phẩm báo chí đã bị đình chỉ phát hành, bị thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy.

---

[68] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 19 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

5. Phạt tiền từ 140.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi chế bản, in, gia công sau in hoặc photocopy sản phẩm in có nội dung gây ảnh hưởng hoặc phương hại đến lợi ích quốc gia hoặc gây mất đoàn kết dân tộc; xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm dân tộc, danh nhân, anh hùng dân tộc.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động hoặc từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại các khoản 4 và 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi sản phẩm in đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy sản phẩm in đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được đối với các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này.

Điều 28c. Vi phạm quy định về nhập khẩu, quản lý, sử dụng thiết bị in[69]

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Chuyển nhượng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu nhưng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận vào đơn chuyển nhượng;

---

[69] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 20 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

c) Thanh lý máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu nhưng không thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sửa chữa, tẩy xóa giấy phép nhập khẩu thiết bị in.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu từng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu, thiết bị in thuộc loại phải có giấy phép nhập khẩu nhưng không có giấy phép nhập khẩu.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại giấy phép nhập khẩu thiết bị in bị sửa chữa, tẩy xóa cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy phép vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc tái xuất máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu và thiết bị in vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 29. Vi phạm về tàng trữ, phát hành xuất bản phẩm

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Phát hành xuất bản phẩm không có hóa đơn, chứng từ, tài liệu thể hiện nguồn gốc hợp pháp hoặc phát hành trái phép xuất bản phẩm được in gia công cho nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam có số lượng dưới 50 bản đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) Bán xuất bản phẩm thuộc loại không kinh doanh đối với từng tên xuất bản phẩm;

c) Tàng trữ thành phẩm hoặc bán thành phẩm xuất bản phẩm không có hóa đơn, chứng từ, tài liệu thể hiện nguồn gốc hợp pháp có số lượng dưới 50 bản đối với từng tên xuất bản phẩm.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Phát hành xuất bản phẩm không có hóa đơn, chứng từ, tài liệu thể hiện nguồn gốc hợp pháp hoặc phát hành trái phép xuất bản phẩm được in gia công cho nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam có số lượng từ 50 bản đến dưới 100 bản đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) Không thông báo với cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản khi thay đổi loại hình tổ chức hoặc thay đổi người đứng đầu cơ sở phát hành hoặc thay đổi địa

điểm trụ sở chính, địa điểm chi nhánh, địa điểm kinh doanh trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

c) Không làm thủ tục đăng ký lại hoạt động phát hành xuất bản phẩm khi di chuyển trụ sở chính hoặc chi nhánh sang tỉnh, thành phố khác trực thuộc trung ương; thành lập hoặc giải thể chi nhánh trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở chính; thành lập hoặc giải thể chi nhánh tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi không đặt trụ sở chính;

d) Tàng trữ thành phẩm hoặc bán thành phẩm xuất bản phẩm không có hóa đơn, chứng từ, tài liệu thể hiện nguồn gốc hợp pháp có số lượng từ 50 bản đến dưới 100 bản đối với từng tên xuất bản phẩm.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Phát hành xuất bản phẩm không có hóa đơn, chứng từ, tài liệu thể hiện nguồn gốc hợp pháp hoặc phát hành trái phép xuất bản phẩm được in gia công cho nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam có số lượng từ 100 bản đến dưới 300 bản đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) Hoạt động phát hành xuất bản phẩm nhưng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm hoặc không bảo đảm đủ điều kiện hoạt động đối với cơ sở phát hành;

c) Tàng trữ thành phẩm hoặc bán thành phẩm xuất bản phẩm không có hóa đơn, chứng từ, tài liệu thể hiện nguồn gốc hợp pháp có số lượng từ 100 bản đến dưới 300 bản đối với từng tên xuất bản phẩm.

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tàng trữ hoặc phát hành xuất bản phẩm nhập khẩu trái phép có số lượng dưới 100 bản đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) Tàng trữ hoặc phát hành xuất bản phẩm đã bị đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy có số lượng dưới 100 bản đối với từng tên xuất bản phẩm;

c) Phát hành xuất bản phẩm không có hóa đơn, chứng từ, tài liệu thể hiện nguồn gốc hợp pháp hoặc phát hành trái phép xuất bản phẩm được in gia công cho

nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam có số lượng từ 300 bản đến dưới 500 bản đối với từng tên xuất bản phẩm;

d) Không thực hiện đúng nội dung ghi trong giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm;

đ) Không kiểm tra, thẩm định nội dung xuất bản phẩm trước khi trưng bày, giới thiệu, phát hành tại triển lãm, hội chợ;

e) Đưa vào triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm không có hóa đơn, chứng từ, tài liệu thể hiện nguồn gốc hợp pháp đối với từng tên xuất bản phẩm;

g) Tàng trữ thành phẩm hoặc bán thành phẩm xuất bản phẩm không có hóa đơn, chứng từ, tài liệu thể hiện nguồn gốc hợp pháp có số lượng từ 300 bản đến dưới 500 bản đối với từng tên xuất bản phẩm.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Phát hành xuất bản phẩm không có hóa đơn, chứng từ, tài liệu thể hiện nguồn gốc hợp pháp hoặc phát hành trái phép xuất bản phẩm được in gia công cho nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam có số lượng từ 500 bản trở lên đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) Tàng trữ hoặc phát hành xuất bản phẩm đã bị đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy có số lượng từ 100 đến dưới 300 bản đối với từng tên xuất bản phẩm;

c) Tàng trữ hoặc phát hành xuất bản phẩm nhập khẩu trái phép có số lượng từ 100 đến dưới 300 bản đối với từng tên xuất bản phẩm;

d) Tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm tại Việt Nam nhưng không được cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản cấp giấy phép;

đ) Tàng trữ thành phẩm hoặc bán thành phẩm xuất bản phẩm không có hóa đơn, chứng từ, tài liệu thể hiện nguồn gốc hợp pháp có số lượng từ 500 bản trở lên đối với từng tên xuất bản phẩm.

6. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tàng trữ hoặc phát hành xuất bản phẩm nhập khẩu trái phép có số lượng từ 300 đến dưới 500 bản đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) Tàng trữ hoặc phát hành xuất bản phẩm đã bị đình chỉ phát hành, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy có số lượng từ 300 đến dưới 500 bản đối với từng tên xuất bản phẩm.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm hoặc đình chỉ hoạt động từ 01 đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi xuất bản phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy xuất bản phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a và điểm c khoản 1; điểm a và điểm d khoản 2; điểm a và điểm c khoản 3; các điểm a, b, c, e và g khoản 4; các điểm a, b, c và đ khoản 5; khoản 6 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại các điểm a và b khoản 1; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3; các điểm a, b và c khoản 4; các điểm a, b và c khoản 5; khoản 6 Điều này.

Điều 30. Vi phạm quy định về xuất khẩu, nhập khẩu xuất bản phẩm

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng;

b) Không ban hành quy chế nội bộ về thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu hoặc không gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy chế nội bộ về thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu đã ban hành;

c) Thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu trước khi phát hành nhưng không đảm bảo đủ trình tự, thủ tục thẩm định theo quy định;

d) Không báo cáo kết quả thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

đ) Thực hiện không đúng nội dung ghi trong giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh nhưng không có giấy phép nhập khẩu, trừ trường hợp không phải cấp giấy phép;

b) Không tái xuất sau khi sử dụng đối với xuất bản phẩm nhập khẩu là tài liệu phục vụ hội thảo, hội nghị quốc tế tại Việt Nam đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép tổ chức hoặc là tài sản của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân để sử dụng riêng;

c) Không thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu để kinh doanh trước khi phát hành đối với từng xuất bản phẩm;

d) Nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh nhưng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận đăng ký nhập khẩu đối với từng xuất bản phẩm.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm nhưng không đủ điều kiện hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép;

b) Bán xuất bản phẩm nhập khẩu thuộc loại không kinh doanh đối với từng xuất bản phẩm;

c) Phát hành xuất bản phẩm nhập khẩu khi chưa có sự đồng ý của cơ quan yêu cầu thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu đối với từng xuất bản phẩm.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm nhưng không có giấy phép;

b) Xuất khẩu xuất bản phẩm được xuất bản, in trái phép; xuất bản phẩm có quyết định đình chỉ in, đình chỉ phát hành, cấm lưu hành, tịch thu, thu hồi, tiêu hủy, xuất bản phẩm có nội dung bị cấm trong hoạt động xuất bản.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi xuất bản phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này;

b) Buộc tái xuất xuất bản phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều này;

c) Buộc tiêu hủy xuất bản phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này;

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại các điểm b và c khoản 3; điểm b khoản 4 Điều này.

Điều 31. Vi phạm quy định về điều kiện hoạt động xuất bản điện tử và phát hành xuất bản phẩm điện tử

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Xuất bản điện tử hoặc phát hành xuất bản phẩm điện tử nhưng không đảm bảo đủ năng lực về thiết bị, công nghệ và nhân lực kỹ thuật để điều hành, quản lý quá trình xuất bản điện tử;

b) Không có biện pháp kỹ thuật theo quy định để ngăn chặn sao chép, can thiệp trái pháp luật vào nội dung xuất bản phẩm điện tử;

c) Xuất bản điện tử hoặc phát hành xuất bản phẩm điện tử trên mạng Internet không có tên miền Internet Việt Nam;

d) Phát hành xuất bản phẩm điện tử nhưng không có văn bản hợp pháp chứng minh đã được tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả chấp thuận đối với từng tên xuất bản phẩm;

đ) Không thực hiện các biện pháp kỹ thuật ngăn chặn việc can thiệp vào nội dung xuất bản phẩm hoặc loại bỏ xuất bản phẩm vi phạm pháp luật theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

e) Phát hành xuất bản phẩm điện tử không đúng nội dung bản thảo hoàn chỉnh đã được duyệt hoặc cấp giấy phép xuất bản đối với từng tên xuất bản phẩm.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử kèm ứng dụng kỹ thuật, công nghệ gây mất an toàn, an ninh thông tin đối với phương tiện điện tử;

b) Bổ sung thông tin mà người sử dụng xuất bản phẩm điện tử không yêu cầu, trừ các thông tin được phép theo quy định của pháp luật hoặc có sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản;

c) Can thiệp trái phép vào nội dung, hình thức của xuất bản phẩm điện tử để làm sai lệch nội dung hoặc thực hiện hành vi trái pháp luật đối với từng tên xuất bản phẩm;

d) Không chấp hành yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc dừng xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử hoặc loại bỏ, ngăn chặn người sử dụng tiếp cận một phần nội dung hoặc toàn bộ xuất bản phẩm có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật;

đ) Phát hành xuất bản phẩm điện tử nhưng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm điện tử.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Phát hành trên phương tiện điện tử xuất bản phẩm đã có quyết định đình chỉ phát hành, thu hồi, cấm lưu hành, tiêu hủy đối với từng tên xuất bản phẩm;

b) Thực hiện xuất bản điện tử nhưng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận đăng ký hoạt động bằng văn bản.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động phát hành điện tử từ 01 đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm tại điểm a khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc gỡ bỏ xuất bản phẩm điện tử đối với hành vi quy định tại điểm e khoản 1; các điểm b, d và đ khoản 2; khoản 3 Điều này.

Điều 32. Vi phạm quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ thông tin, báo cáo trong hoạt động xuất bản

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi kê khai, đăng ký, báo cáo, giải trình không đúng nội dung, thời hạn hoặc không chính xác theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định;

b) Không báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền danh mục tên xuất bản phẩm đã được cấp số xác nhận đăng ký xuất bản nhưng không thực hiện xuất bản.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện xuất bản phẩm có nội dung bị cấm trong hoạt động xuất bản;

b) Không báo cáo, giải trình theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 32a. Vi phạm quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ thông tin, báo cáo trong hoạt động in sản phẩm không phải là xuất bản phẩm[70]

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo, giải trình không đúng nội dung, thời hạn theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định;

b) Kê khai, đăng ký, báo cáo, giải trình không trung thực hoặc không chính xác.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in khi phát hiện sản phẩm nhận chế bản, in, gia công sau in có nội dung vi phạm điều cấm của pháp luật;

b) Không xuất trình hồ sơ, giấy tờ liên quan khi có yêu cầu của cơ quan hoặc người có thẩm quyền;

c) Không báo cáo, giải trình theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

---

[70] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 21 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

Chương IV
THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 33. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra[71]

1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm n khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

2. Chánh Thanh tra Sở, Trưởng đoàn thanh tra cấp Sở, Trưởng đoàn thanh tra của Cục Báo chí, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Cục Xuất bản, In và Phát hành có thẩm quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

---

[71] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

3. Trưởng đoàn thanh tra cấp Bộ có thẩm quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 140.000.000 đồng đối với lĩnh vực xuất bản, in; 350.000.000 đồng đối với lĩnh vực báo chí;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Chánh Thanh tra Bộ, Cục trưởng Cục Báo chí, Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Cục trưởng Cục Xuất bản, In và Phát hành có thẩm quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với lĩnh vực xuất bản, in; 500.000.000 đồng đối với lĩnh vực báo chí;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 34.[72] (được bãi bỏ)

---

[72] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

Điều 35. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Bộ đội biên phòng[73]

1. Trạm trưởng, Đội trưởng biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng.

2. Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với lĩnh vực xuất bản, in và lĩnh vực báo chí;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại điểm n khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với lĩnh vực xuất bản, in; 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực báo chí;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại các điểm c, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

---

[73] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 23 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

4. Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực xuất bản, in; 200.000.000 đồng đối với lĩnh vực báo chí;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

5. Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh, Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với lĩnh vực xuất bản, in; 500.000.000 đồng đối với lĩnh vực báo chí;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 36. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cảnh sát biển[74]

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 3.000.000 đồng.

---

[74] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 24 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng.

3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm n khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với hoạt động xuất bản, in; 50.000.000 đồng đối với hoạt động báo chí;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, đ, e, g, h, i, k, l, n, m, o, p, q và r khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển, Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 60.000.000 đồng đối với lĩnh vực xuất bản, in; 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực báo chí;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, đ, e, g, h, i, k, l, n, m, o, p, q và r khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

6. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực xuất bản, in; 200.000.000 đồng đối với lĩnh vực báo chí;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

7. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với lĩnh vực xuất bản, in; 500.000.000 đồng đối với lĩnh vực báo chí;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 37. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Hải quan[75]

1. Đội trưởng, Tổ trưởng thuộc Chi cục Hải quan; Tổ trưởng thuộc Đội Kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Đội trưởng thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng.

2. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành

---

[75] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 25 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

phố trực thuộc Trung ương; Đội trưởng Đội Điều tra hình sự, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển và Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Cục trưởng Cục điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với lĩnh vực xuất bản, in; 500.000.000 đồng đối với lĩnh vực báo chí;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 38. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Quản lý thị trường[76]

1. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường, Trưởng phòng Nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, n, o, p, q, r và s khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

2. Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Tổng cục Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Tổng Cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với lĩnh vực xuất bản, in; 500.000.000 đồng đối với lĩnh vực báo chí;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

---

[76] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 26 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 39. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân dân[77]

1. Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội, Trưởng trạm, Đội trưởng Công an nhân dân có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 3.000.000 đồng.

2. Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trưởng trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất, Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động, Thủy đội trưởng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm n khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về

---

[77] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 27 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

trật tự xã hội, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với lĩnh vực xuất bản, in; 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực báo chí;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, đ, e, g, h, i, k, l, n, o, p, q và r khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực xuất bản, in; 200.000.000 đồng đối với lĩnh vực báo chí;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, h, i, k, l, n, o, p, q và r khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

5. Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục An ninh chính trị nội bộ, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với lĩnh vực xuất bản, in; 500.000.000 đồng đối với lĩnh vực báo chí;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, h, i, k, l, n, o, p, q và r khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 40. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp[78]

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm n khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực xuất bản, in; 200.000.000 đồng đối với lĩnh vực báo chí;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

---

[78] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 28 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, n, o, p, q, r và s khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với lĩnh vực xuất bản, in; 500.000.000 đồng đối với lĩnh vực báo chí;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 40a. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính[79]

1. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra:

a) Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 12; 2 Điều 14 Nghị định này;

b) Chánh Thanh tra Sở, Trưởng đoàn thanh tra cấp Sở có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 5; các Điều 6 và 7; các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 8; các Điều 9 và 10; các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 11; các Điều 12, 13 và 14; các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 15; các khoản 1 và 2 Điều 16; các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 17; Điều 18; các khoản 1, 2 và 3 Điều 19; các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 20; Điều 21; các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 22; Điều 23; các khoản 1, 2 và 3 Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 28; Điều 28a; các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 28b; Điều 28c; Điều 29; Điều 30; các khoản 1 và 2 Điều 31; các Điều 32 và 32a Nghị định này;

---

[79] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 29 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

c) Trưởng đoàn thanh tra của Cục Báo chí, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 5; các Điều 6 và 7; các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 8; các Điều 9 và 10; các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 11; các Điều 12, 13 và 14; các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 15; các khoản 1 và 2 Điều 16; các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 17; Điều 18; các khoản 1, 2 và 3 Điều 19; các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 20; Điều 21 Nghị định này;

d) Trưởng đoàn thanh tra của Cục Xuất bản, In và Phát hành có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 22; Điều 23; các khoản 1, 2 và 3 Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 28; Điều 28a; các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 28b; Điều 28c; Điều 29; Điều 30; các khoản 1 và 2 Điều 31; Điều 32 và Điều 32a Nghị định này;

đ) Trưởng đoàn thanh tra cấp Bộ có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 5; các Điều 6 và 7; các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 8; các Điều 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 và 16; các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 17; các Điều 18, 19, 20 và 21; các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 22; Điều 23; các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 28; Điều 28a; các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 28a; các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 28b; Điều 28c; Điều 29; Điều 30; các khoản 1 và 2 Điều 31; Điều 32 và Điều 32a Nghị định này;

e) Chánh Thanh tra Bộ có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II và Chương III Nghị định này;

g) Cục trưởng Cục Báo chí, Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này;

h) Cục trưởng Cục Xuất bản, In và Phát hành có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương III Nghị định này.

2. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Bộ đội biên phòng

a) Trạm trưởng, Đội trưởng biên phòng có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định này;

b) Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm c khoản 1, các điểm b, c và d khoản 2, các điểm b và c khoản 3, điểm g khoản 4 Điều 29; điểm d khoản 2 Điều 30 Nghị định này;

c) Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điểm a và b khoản 1, các khoản 2 và 3 Điều 6; các khoản 1 và 2 Điều 7; điểm a khoản 1 Điều 13; khoản 2 Điều 28c; điểm c khoản 1, điểm d khoản 2, các điểm b và c khoản 3, điểm g khoản 4 Điều 29; các điểm a và d khoản 2 Điều 30 Nghị định này;

d) Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 28c; các điểm a và c khoản 1, các điểm a và d khoản 2, khoản 3, các điểm a, b, c và g khoản 4, các điểm a, b, c và đ khoản 5 Điều 29; các điểm a và d khoản 2, khoản 4 Điều 30 Nghị định này;

đ) Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh, Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điểm a và b khoản 1, các khoản 2 và 3 Điều 6; Điều 7; điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 13; các khoản 2 và 3 Điều 28c; các điểm a và c khoản 1, các điểm a và d khoản 2, khoản 3, các điểm a, b, c và g khoản 4, các điểm a, b, c và đ khoản 5 và khoản 6 Điều 29; các điểm a và d khoản 2, khoản 4 Điều 30 Nghị định này.

3. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cảnh sát biển

a) Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định này;

b) Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 13; điểm c khoản 1, điểm d khoản 2, các điểm b và c khoản 3, điểm g khoản 4 Điều 29; điểm d khoản 2 Điều 30 Nghị định này;

c) Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điểm a và b khoản 1, các khoản 2 và 3 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 13; khoản 2 Điều 28c; điểm c khoản 1, điểm d khoản 2, các điểm b và c khoản 3, điểm g khoản 4 Điều 29; các điểm a và d khoản 2 Điều 30 Nghị định này;

d) Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển, Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điểm a và b khoản 1, các khoản 2 và 3 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 13; khoản 2 Điều 28c; điểm c khoản 1, điểm d khoản 2, các điểm b và c khoản 3, điểm g khoản 4, điểm đ khoản 5 Điều 29; các điểm a và d khoản 2, điểm a khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 30 Nghị định này;

đ) Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điểm a và b khoản 1, các khoản 2 và 3 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 13; các khoản 2 và 3 Điều 28c; điểm c khoản 1, điểm d khoản 2, các điểm b và c khoản 3, điểm g khoản 4, điểm đ khoản 5 Điều 29; các điểm a và d khoản 2, điểm a khoản 4 Điều 30 Nghị định này;

e) Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điểm a và b khoản 1, các khoản 2 và 3 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 13; các khoản 2 và 3 Điều 28c; điểm c khoản 1, điểm d khoản 2, các điểm b và c khoản 3, điểm g khoản 4, điểm đ khoản 5 Điều 29; các điểm a và d khoản 2, điểm a khoản 4 Điều 30 Nghị định này.

4. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Hải quan

a) Đội trưởng, Tổ trưởng thuộc Chi cục Hải quan; Tổ trưởng thuộc Đội Kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Đội trưởng thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 15 Nghị định này;

b) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Đội trưởng Đội Điều tra hình sự, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển và Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Cục Kiểm tra sau thông quan có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 15; khoản 2 Điều 28c; các điểm a, b và d khoản 2, khoản 4 Điều 30; điểm e khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 31 Nghị định này;

c) Cục trưởng Cục điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 1, 2, 3 4 và 5 Điều 15; các khoản 2 và 3 Điều 28c; các điểm a, b và d khoản 2, khoản 4 Điều 30; điểm e khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 31 Nghị định này;

d) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và khoản 7 Điều 15; các khoản 2 và 3 Điều 28c; các điểm a, b và d khoản 2, khoản 4 Điều 30; điểm e khoản 1, điểm d khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 31 Nghị định này.

5. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Quản lý thị trường

a) Đội trưởng Đội Quản lý thị trường, Trưởng phòng Nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 3 và 4 Điều 15; các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 28; các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 28a; các khoản 1 và 2 Điều 28b; các khoản 1 và 2 Điều 28c; các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 29; các điểm c và d khoản 2, các điểm b và c khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 30; các khoản 1 và 2 Điều 31 Nghị định này;

b) Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Tổng cục Quản lý thị trường có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 15; các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 28; Điều 28a; các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 28b; Điều 28c; Điều 29c; khoản 2, các điểm b và c khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 30; các khoản 1 và 2 Điều 31 Nghị định này;

c) Tổng Cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 15; Điều 28; Điều 28a; Điều 28b; Điều 28c; Điều 29; khoản 2, các điểm b và c khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 30; Điều 31 Nghị định này.

6. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân dân

a) Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội, Trưởng trạm, Đội trưởng Công an nhân dân có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 11; khoản 1 Điều 25 Nghị định này;

b) Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trưởng trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất, Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động, Thủy đội trưởng có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 9; các khoản 1 và 2 Điều 11; khoản 1 Điều 22; khoản 1 Điều 23; khoản 1 Điều 25; khoản 1 Điều 27; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 28a; khoản 1 Điều 28c Nghị định này;

c) Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 1, các khoản 2 và khoản 3 Điều 6; khoản 1 Điều 7; điểm a khoản 1 Điều 9; các khoản 1, 2 và 3 Điều 11; điểm a khoản 1 Điều 13; các khoản 1 và 2 Điều 16; các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 20; khoản 3 Điều 21; các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 22; các khoản 1, 2 và 3, các điểm c, đ, e và g khoản 4 Điều 23; khoản 1 Điều 25; Điều 26; các khoản 1 và 2, điểm b khoản 3, các khoản 4 và 5 Điều 27; các khoản 1 và 2, các điểm b, c, d, đ và e khoản 3 Điều 28; các khoản 1, 2, 3 và 4

Điều 28a; các khoản 1 và 2 Điều 28c; điểm c khoản 1, các điểm b, c và d khoản 2, các điểm b và c khoản 3, các điểm d, đ, e và g khoản 4 Điều 29; khoản 1, điểm d khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 30; khoản 1 Điều 31 Nghị định này;

d) Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 1, các khoản 2 và 3 Điều 6; khoản 1 Điều 7; điểm a khoản 1 Điều 9; các khoản 1, 2 và 3 Điều 11; điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 13; Điều 16; các điểm a, c, e và g khoản 1, các điểm b, c, d và đ khoản 2, các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 20; khoản 3 Điều 21; các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 22; các khoản 1, 2 và 3, các điểm c, đ, e và g khoản 4 Điều 23; khoản 1 Điều 25; Điều 26; các khoản 1 và 2, điểm b khoản 3, các khoản 4 và 5 Điều 27; các khoản 1 và 2, các điểm b, c, d, đ và e khoản 3, các khoản 4, 5 và 6 Điều 28; các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 28a; các khoản 1 và 2 Điều 28c; các điểm a và c khoản 1, các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 29; khoản 1, điểm d khoản 2, các điểm a và c khoản 3, khoản 4 Điều 30; các khoản 1 và 2 Điều 31 Nghị định này;

đ) Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục An ninh chính trị nội bộ, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 1, các khoản 2 và 3 Điều 6; khoản 1 Điều 7; điểm a khoản 1 Điều 9; các khoản 1, 2 và 3 Điều 11; điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 13; Điều 16; các điểm a, c, e và g khoản 1, các điểm b, c, d và đ khoản 2, các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 20; khoản 3 Điều 21; các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 22; các khoản 1, 2 và 3, các điểm c, đ, e và g khoản 4 Điều 23; khoản 1 Điều 25; Điều 26; các khoản 1 và 2, điểm b khoản 3, các khoản 4 và 5 Điều 27; các khoản 1 và 2, các điểm b, c, d, đ và e khoản 3, các khoản 4, 5 và 6 Điều 28; Điều 28a; các khoản 1 và 2 Điều 28c; các điểm a và c khoản 1, các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 29; khoản 1, điểm d khoản 2, các điểm a và c khoản 3, khoản 4 Điều 30; Điều 31 Nghị định này.

7. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 9; các khoản 1 và 2 Điều 11; điểm a khoản 1 Điều 13; các điểm a và c khoản 1 Điều 16; các khoản 1 và 2 Điều 22; các khoản 1 và 2 Điều 23; khoản 1 Điều 25; các khoản 1 và 2 Điều 27; các khoản 1 và 2 Điều 28; các khoản 1 và 2 Điều 28a; khoản 1 Điều 28c; điểm c khoản 1, các điểm b, c và d khoản 2 Điều 29; khoản 1 Điều 30; các khoản 1 và 2 Điều 32; các khoản 1 và 2 Điều 32a Nghị định này;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 1, các khoản 2 và 3 Điều 6; Điều 7; điểm a khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 9; các Điều 11 và 13; khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 16; Điều 20; các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 22; Điều 23; các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 24; các Điều 25, 26 và 27; các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 28; Điều 28a, các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 28b; các khoản 1 và 2 Điều 28c; Điều 29; khoản 1, các điểm c và d khoản 2, các khoản 3 và 4 Điều 30; các khoản 1 và 2 Điều 31; các Điều 32 và 32a Nghị định này;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II và Chương III Nghị định này.

8. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chánh Thanh tra Bộ Ngoại giao

Chánh Thanh tra Bộ Ngoại giao có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 2, các điểm c, e và g khoản 3 Điều 5; điểm b khoản 1 Điều 6; Điều 7; các điểm a và b khoản 1, các điểm a và d khoản 2 Điều 9 Nghị định này.

Điều 41. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

1.[80] Các chức danh nêu tại các Điều 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40 và 40a Nghị định này và công chức, viên chức đang thi hành công vụ khi phát hiện hành vi vi

---

[80] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 30 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản và hoạt động in sản phẩm không phải là xuất bản phẩm thì được quyền lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định.

2. Cán bộ, chiến sỹ thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân đang thi hành công vụ, nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản và hoạt động in sản phẩm không phải xuất bản phẩm[81] được quyền lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[82]

Điều 42. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2020.

---

[81] Cụm từ này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

[82] Điều 4, 5 và 6 của Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022 được quy định như sau:

"Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

Đối với hành vi vi phạm hành chính xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực, sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét xử lý mà Nghị định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn thì áp dụng các quy định của Nghị định này.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này."

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 159/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, xuất bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 43 Nghị định này.

Điều 43.[83] (được bãi bỏ)

Điều 44. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số: 07/VBHN-BTTTT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2022

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Hùng

---

[83] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng